SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Light

# BIANCA OB

**Đôi giày cho nàng**

Giày clog BIANCA này có khóa dán và khóa lót Coolmax và có độ bám tuyệt vời trên bề mặt nhẵn.

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn được sử dụng trong | Da thật |
| Lót bên trong | Vải tái chế lưới |
| Đế trong | Vải tái chế lưới |
| Đế ngoài | Nút chai / cao su |
| Loại | OB / SRC |
| Phạm vi kích thước | EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5<br>JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270 |
| Trọng lượng thép | 0.252 kg |
| Tiêu chuẩn | ASTM F3445:2021<br>EN ISO 20347:2012 |

CE



BLK



MUG



WHT




Lớp **lót Coolmax**
Công nghệ Coolmax tiên tiến vận động viên. Chất liệu vận chuyển độ ẩm và thoáng khí giúp chân bạn khô ráo. Chúng tôi thấy nó cực kỳ phù hợp

**Công** nghiệp **n:**
ạch , Làm s c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
ru ờn g môi khô, Bề mặt cự c mịn

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách hàng nhiệt độ phù hợp. Không trên lò s

K

| | Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20347** | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu g **Da** tợp **cao** cấp h ơn | | | |
| | Top: khả năng thấm hơi nước | ? 0.8 | 31.39 ờ mg/cm/g |
| | Top: hệ số hơi nước | ? 15 | 252 mg/cm2 |
| **ót bên trong** | i **tái** ch ế | | |
| | L ớp lót: thấm hơi nước | ? 2 | 64.77 ờ mg/cm/g |
| | lót: hệ số hơi nước | ? 20 | 518 mg/cm2 |
| **rong** Đ | i **tái** ch ế | | |
| | ệ m chân Độ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt ) (chu kỳ) | 25600/12800 | 25600/12800 chu kỳ |
| **goài** Đ | **Nút chai / cao su** | | |
| | Ch ố ả ng trượt mài mòn ế ngoài ( | ? 150 | 137 mm |
| | a đế ngoài SRA gót chân | ? 0.28 | 0.48 ma sát |
| | a đế ngoài SRA Phần g | ? 0.32 | 0.46 ma sát |
| | a đế ngoài SRB gót chân | ? 0.13 | 0.36 ma sát |
| Q a đế ngoài SRB phần g | | ? 0.18 | 0.37 ma sát |
| ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n | | 0.1 - 1000 | N/A megaohm |
| ị ESD Giá t | | 0.1 - 100 | N/A megaohm |
| | Hấp thụ năng l ợ g ót chân củ | ? 20 | N/A J |

kích thước thép: 38

a chúng tôi Giày này có thể thay đổi và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh** thái:

| | Sự **miêu** t ả | ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q |
|---|---|---|
| i **CO** **phát** thả | | |
| | V ật l iệu | 1.54 kg |
| | Bao bì | 0.10 kg |
| ấ t Sản x u | | 1.90 kg |
| | Chuyên ch ở | 0.26 kg |
| | | **3.80 kg CO2/** cặp |

| | Sự **miêu** t ả | ế t K u q |
|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ **tái** ch ế | | |
| | Product | 13% |
| | Bao bì | 99% |

Tính toán CO2:
ị đ Các giá trị tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.